

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Gia	Huy	3771040003	06/01/1995	6,60	3,20	4,20	
2	Lê Tấn	Lợi	3771040007	07/05/1995	6,20	4,40	4,90	
3	Huỳnh Quốc	Quân	3771040008	12/03/1995	6,10	,80	2,40	
4	Bùi Như	Ý	3771040011	04/11/1993	,00	,00	,00	CT
5	Nguyễn Hoàng	Ân	3771040023	02/03/1995	4,20	,40	1,50	
6	Nguyễn	Tâm	3771040027	26/07/1995	2,80	,00	,80	CT
7	Nguyễn Đình	Thảo	3771040046	18/02/1994	7,50	5,30	6,00	
8	Đoàn Minh	Quân	3771040049	04/02/1994	3,00	3,60	3,40	
9	Ngô Hữu	Nghĩa	3771040055	19/12/1995	5,50	3,50	4,10	
10	Phạm Minh	Trúc	3771040056	08/03/1995	6,60	5,60	5,90	
11	Nguyễn Văn	Minh	3771040058	19/12/1994	8,50	6,30	7,00	
12	Trần Anh	Kiệt	3771040064	23/08/1995	4,20	5,00	4,80	
13	Nguyễn Thanh	Chương	3771040076	21/08/1995	1,00	3,70	2,90	
14	Nguyễn Quốc	Trường	3771040079	26/06/1993	4,30	4,20	4,20	
15	Phan Ngọc	Cường	3771040080	01/12/1995	1,40	6,50	5,00	
16	Huỳnh Ngọc	Thanh	3771040085	30/03/1995	1,00	,00	,30	CT
17	Nguyễn Thanh	Tuấn	3771040097	29/03/1995	6,10	2,40	3,50	
18	Trần Thành	Nhiên	3771040144	05/07/1994	2,80	2,60	2,70	
19	Dương Trần Quốc	Tiến	3771040145	10/08/1995	5,20	,80	2,10	
20	Lê Minh	Thiên	3771040185	07/06/1995	5,50	4,60	4,90	
21	Võ Thanh	Toàn	3771040186	20/05/1995	2,50	2,90	2,80	
22	Mai Trọng	Chính	3771040194	11/11/1995	3,60	4,80	4,40	
23	Trần Công	Đức	3771040202	04/04/1994	6,90	4,50	5,20	
24	Đoàn Ngọc	Đông	3771040204	31/08/1995	3,90	2,00	2,60	
25	Nguyễn Văn	Quý	3771040221	13/01/1995	4,80	4,90	4,90	
26	Nguyễn Trọng	Nghĩa	3771040229	04/09/1994	3,40	4,30	4,00	
27	Lê Văn	Tài	3771040253	07/05/1995	3,90	3,40	3,60	
28	Phùng Văn	Trọng	3771040258	05/09/1995	6,80	2,80	4,00	
29	Nguyễn Thành	Thoại	3771040278	20/04/1995	3,90	2,10	2,60	
30	Trần Văn	Hải	3771040281	22/09/1995	4,00	3,90	3,90	
31	Trần Văn	Luận	3771040287	15/07/1993	2,90	1,40	1,90	
32	Lê Tuấn	Đời	3771040358	15/05/1995	5,80	4,50	4,90	
33	Trịnh Văn	Hiền	3771040362	10/12/1995	2,30	1,60	1,80	
34	Nguyễn Đức	Anh	3771040406	04/12/1993	2,90	1,90	2,20	
35	Võ Minh	Chánh	3771040412	13/04/1994	6,90	5,20	5,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Minh	Tuấn	3771040418	07/09/1995	1,90	,40	,90	
37	Hồ Văn	Hải	3771040467	29/12/1995	6,50	4,70	5,20	
38	Nguyễn Minh	Hiếu	3771040488	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
39	Trịnh Đình	Đạt	3771040492	01/11/1995	5,40	2,10	3,10	
40	Nguyễn Hồng	Khanh	3771040948	24/05/1995	2,90	5,20	4,50	
41	Võ Thanh	Huy	3771041063	13/10/1993	4,00	4,30	4,20	
42	Trương Quốc	Hải	3771041065	16/09/1995	3,80	4,80	4,50	
43	Nguyễn Minh	Nhật	3771041127	25/08/1995	3,50	3,90	3,80	
44	Nguyễn Hoài	Bảo	3771041146	10/12/1995	1,90	3,30	2,90	
45	Võ Tấn	Vũ	3771041450	02/10/1995	7,10	6,60	6,80	
46	Nguyễn Thái	Linh	3771050568	27/09/1994	5,70	5,20	5,40	
47	Trần Chí	Cường	3771050657	10/07/1995	5,60	4,50	4,80	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)